

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
MÔN : LỊCH SỬ

A. Phần trắc nghiệm

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (4 .0 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ được chọn một phương án*

Câu	Đáp án
1	C
2	C
3	C
4	D
5	B
6	B
7	C
8	B
9	C
10	C
11	B
12	B
13	B
14	D
15	C
16	A

PHẦN 2. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI (4.0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4, trong mỗi câu, thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai ở các ý a), b), c), d)

TT	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	Đ	S	Đ	Đ
b	S	Đ	S	S
c	Đ	S	S	Đ
d	S	S	Đ	S

B. Phần tự luận (12.0 điểm)

(Hướng dẫn và biểu điểm chấm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	“Bộ máy nhà nước và các quy chế của nó do Lê Thánh Tông xây dựng đã được duy trì trong nhiều thế kỉ và được đánh dấu một thời thịnh trị trong lịch sử chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam” (Trương Hữu Quýnh, <i>Chế độ ruộng đất và một số vấn đề lịch sử Việt Nam</i> , NXB Thế giới, tr.807)	6.5 điểm
	a. Dưới thời Lê Thánh Tông có những cơ quan chuyên môn nào không lệ thuộc vào Lục bộ.....	2.0đ
	* Dưới thời Lê Thánh Tông có những cơ quan chuyên môn không lệ thuộc vào Lục bộ gồm:	1.5đ
	Thông chính ty. Quốc Tử Giám, Quốc sử viện, Khuyến nông sứ và Hà đê sứ. Cụ thể	0.5
	- <i>Thông chính ty</i> : Cơ quan phụ trách chuyển đạt giấy tờ của triều đình xuống và nhận đơn từ của nhân dân tâu lên vua.	0.25
	- <i>Quốc Tử Giám</i> : cơ quan giáo dục cao nhất trong cả nước. Đây là trường đại học của triều đình có nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho quốc gia	0.25
	- <i>Quốc sử viện</i> : cơ quan chép sử của triều đình. Nhà vua nói gì, làm gì, sử quan đều phải ghi chép cẩn thận và trung thực.	0.25
	- <i>Khuyến nông sứ và Hà đê sứ</i> : Hai cơ quan coi việc <u>nông nghiệp</u> và trông nom về <u>thủy lợi</u> , đê điều.	0.25
	* Quy chế tuyển dụng quan lại có những tiến bộ:	0.5đ
	- Quan tâm xây dựng đội ngũ quan lại có năng lực và có phẩm chất tốt.....	0.25
	- Sử dụng khoa cử là hình thức tuyển chọn nhân sự chủ yếu cho bộ máy chính quyền....	0.25
	b. Những nét chính về nội dung cuộc cải cách trên lĩnh vực quân đội và luật pháp.	2.0 đ
	* Quân đội:	1.0 đ
	- Năm 1466, vua Lê Thánh Tông tiến hành cải tổ hệ thống quân đội.	0.25
	- Cả nước được chia thành 5 khu vực quân sự (Ngũ phủ quân).....	0.25
	- Quân đội được chia làm hai loại: quân thường trực bảo vệ kinh thành gọi là cấm binh hay thân binh và quân các đạo, gọi là ngoại binh.	0.25
		0.25

	- Nhà nước cũng rất chú ý đến rèn luyện quân đội như duyệt binh sĩ hằng năm, quy định cứ 3 năm tổ chức một kì thi khảo võ nghệ của quân sĩ và định lệ thưởng phạt. * Luật pháp. - Vua Lê Thánh Tông chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật để quản lí nhà nước. Năm 1483, Nhà nước ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức). gồm 722 điều với nhiều quy định - Bộ Quốc triều hình luật gồm 722 điều với nhiều quy định, có nhiều điểm mới, tiến bộ mang tính dân tộc sâu sắc như các điều luật bảo vệ phụ nữ, người già, người tàn tật, trẻ em, bảo vệ sản xuất nông nghiệp..	1.0đ 0.5 0.5
	c. Phân tích kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách và rút ra bài học kinh nghiệm 	2.5đ
	* kết quả: - Đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ. - Đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của Đại Việt cũng có những biến đổi lớn, trong đó nổi bật là sự phát triển của nền kinh tế tiểu nông và sự thống trị của tư tưởng Nho giáo.	0.5đ 0.25 0.25
	* Ý nghĩa: - Thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao. - Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó. *Bài học kinh nghiệm có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay? + Thực hiện nguyên tắc “trên dưới liên kết hiệp đồng, trong ngoài kiểm chế lẫn nhau” trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; + Thực hiện nguyên tắc “chức vụ và trách nhiệm nghiêm minh, quyền lợi và nghĩa vụ tương xứng”; + Quản lý nhà nước bằng pháp luật, đề cao pháp luật...	0.5đ 0.25 0.25 0.25

	+ Tuyển chọn cán bộ, công chức nhà nước một cách công khai, minh bạch;	0.25
	+ Tăng cường công tác giám sát, đánh giá năng lực của cán bộ, công chức nhà nước.	0.25
	+ Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước;	0.25
Câu 2	Câu 2 (5,5 điểm): <i>“Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế, hợp tác văn hóa - xã hội, được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích bảo đảm hòa bình, ổn định lâu dài và thịnh vượng chung trong khu vực”.</i> (Trích: Tuyên bố Ba-li II, năm 2003)	5,5 điểm
	a. Những nét chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.	1.0đ
	Những nét chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Trên cơ sở văn bản Tầm nhìn ASEAN 2020, các nước thành viên trải qua một thập kỉ xây dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho Cộng đồng ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-li II (2003) và Hiến chương ASEAN (2007). - Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thể hiện thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 - 2015) cùng với các hoạt động triển khai cụ thể trên ba nội dung: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội. - Trong giai đoạn 2009 - 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự xác lập của Cộng đồng ASEAN. Các chương trình hợp tác được thúc đẩy trong đó có Sáng kiến hội nhập ASEAN giai đoạn 2. - Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhóm họp tại Ma-lai-xi-a, kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, chính thức thành lập Cộng đồng ASEA. Cộng đồng ASEAN có hiệu lực từ ngày 31-12-2015.	0.25 0.25 0.25 0.25
	b. Tại sao khẳng định sự ra đời của Cộng đồng ASEAN đánh dấu bước phát triển mới của hợp tác khu vực ở Đông Nam Á...	1.5đ

	Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN đánh dấu bước phát triển mới của hợp tác khu vực ở Đông Nam Á, vì: + Cộng đồng ASEAN ra đời là thành quả từ quyết tâm và sự chung sức, đồng lòng của các nước ASEAN trong việc bảo vệ, gìn giữ những nguyên tắc cốt lõi, cùng chia sẻ và đề cao các giá trị hòa bình, hợp tác và ý thức cùng chung vận mệnh. + Cộng đồng ASEAN chính thức được vận hành vào ngày 31/12/2015 trên nền tảng hội nhập toàn diện về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội. Kể từ thời điểm lịch sử đó, ASEAN ngày càng gắn kết chặt chẽ với sự đan xen hài hòa về lợi ích giữa các quốc gia thành viên và khu vực. + Cộng đồng ASEAN ra đời, không chỉ thúc đẩy sự hợp tác nội khối ngày càng sâu rộng, toàn diện hơn mà còn thúc đẩy việc mở rộng hợp tác giữa ASEAN với bên ngoài.	0.5 0.5 0.5
	c. Nguyên tắc chính trị cơ bản của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là gì? Sự ra đời của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN tạo ra những cơ hội và thách thức gì cho Việt Nam?	3.0đ
	*Nguyên tắc chính trị cơ bản của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) không tạo ra một khối phòng thủ chung mà dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN là đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hoà bình, ổn định và hợp tác khu vực. *Sự ra đời của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN tạo ra những cơ hội và thách thức cho Việt Nam + Cơ hội - Mở ra cơ hội giải quyết những vấn đề mang tính chất quốc tế của khu vực mà một quốc gia đơn lẻ không thể làm được.	1.0đ 2.0đ 0.25 0.25

	Ví dụ: vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, an ninh, an toàn hàng hải, chủ nghĩa khủng bố, kiểm soát vũ khí,...	0.25
	- Có môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.	0.25
	- Nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong quá trình liên kết khu vực và hội nhập quốc tế.	
	+ thách thức	
	- Đòi hỏi phải đổi mới về thể chế, thủ tục hành chính,...	0.25
	- Sự khác biệt về thể chế chính trị; lợi ích quốc gia,...	0.25
	- Những mâu thuẫn, xung đột giữa các nước do lịch sử để lại. Ví dụ: tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải,...	0.25
	- Cơ chế và cách thức hoạt động của ASEAN còn nhiều vướng mắc, chưa hiệu quả,...	0.25